

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

Vn-Index tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, đường và khu công nghiệp với thanh khoản giảm mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn

## [Thông tin doanh nghiệp]

VHM, KBC

## [Cập nhật công ty]

VCB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

30/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,279.39	+0.68
VN30	1,298.14	+0.38
HĐTL VN30F1M	1,287.00	+0.08
HNXIndex	293.86	-0.57
HNX30	533.24	-1.08
UPCoM	92.39	+0.90
USD/VND	23,425	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.56	+1
Lãi suất qua đêm (%)	3.72	+18
Dầu (WTI, \$)	96.93	-0.08
Vàng (LME, \$)	1,734.67	-0.14



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,279.39 (+0.68%)  
**KLGD (triệu CP)** 526.1 (-30.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 590.6 (-32.7%)

**HNXIndex** 293.86 (-0.57%)  
**KLGD (triệu CP)** 69.3 (-46.6%)  
**GTGD (triệu US\$)** 66.7 (-40.0%)

**UPCoM** 92.39 (+0.90%)  
**KLGD (triệu CP)** 38.2 (-37.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 31.7 (-29.5%)

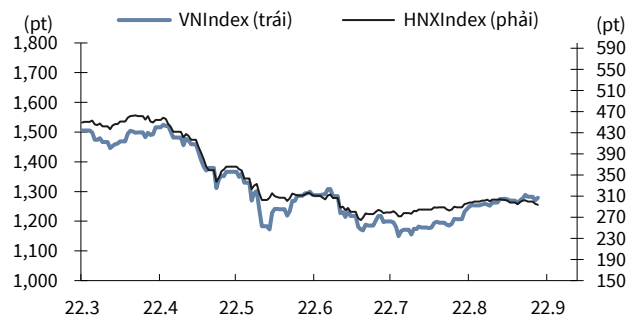
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +0.0

Vn-Index tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, đường và khu công nghiệp với thanh khoản giảm mạnh. Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tập trung ở TLG (-3.3%), PHR (+3.8%), DGC (+2.9%).

Một số doanh nghiệp thép cuộn trong nước thông báo tăng giá bán thêm 200 nghìn đồng/ tấn giúp cổ phiếu thép tăng giá ở SMC (+0.3%), HPG (+0.2%).

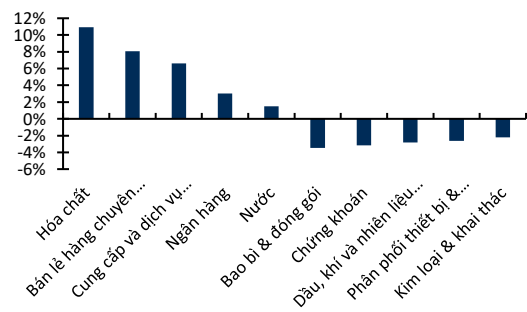
Thép Viforest, EU đang có nhu cầu gia tăng nhập khẩu viên nén gỗ su khi Chính phủ Nga ban hành lệnh cấm xuất khẩu viên nén để trả đũa các lệnh trừng phạt của các nước châu Âu. Theo đó, giá xuất khẩu viên nén gỗ của Việt Nam sang các nước tăng cao và hiện chưa có dấu hiệu chững lại. Thông tin trên tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm gỗ ở GTA (+2.7%).

## VNIndex & HNXIndex



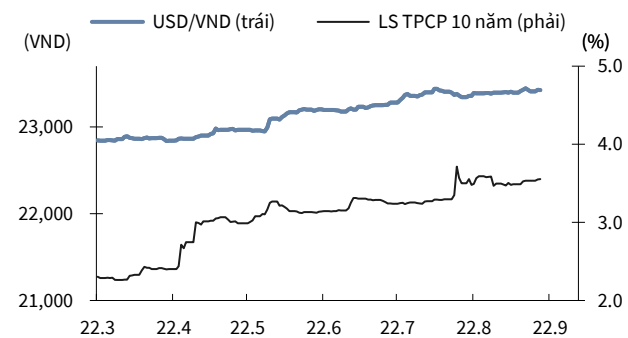
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

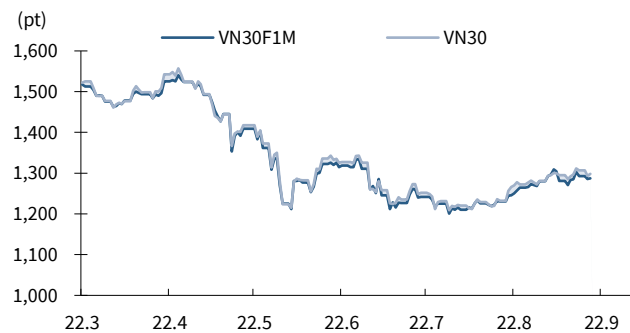
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,298.14 (+0.38%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,287.0 (+0.08%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,288.7</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,295.7</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,280.3</b>

Các HĐTL tăng điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở trước sự dẫn dắt của nhóm vốn hoá lớn. Chênh lệch F2209 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày -4.05 điểm và biến động mạnh trong phiên với biên độ quanh mức -13.4 điểm, trước khi đóng cửa ở mức -11.4 điểm, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước diễn biến tăng của thị trường cơ sở. Khối lượng giao dịch tiếp tục tăng cao.

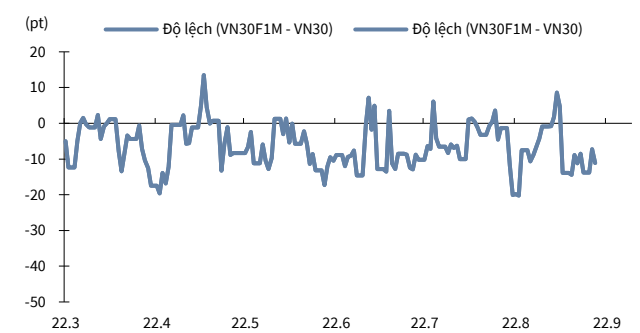
**KLGD (HĐ)**      **249,607 (+5.0%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



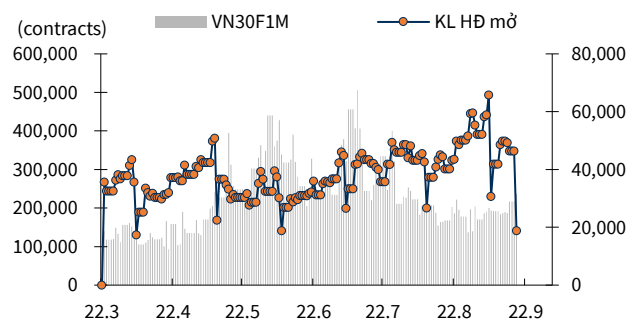
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



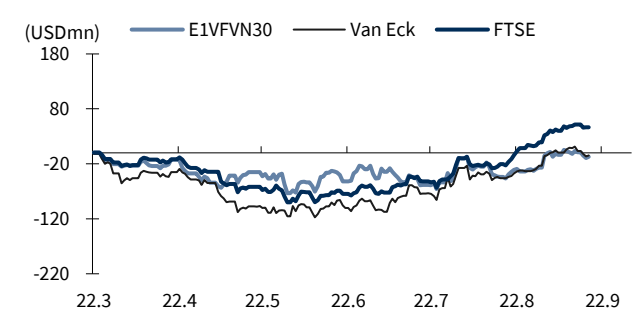
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

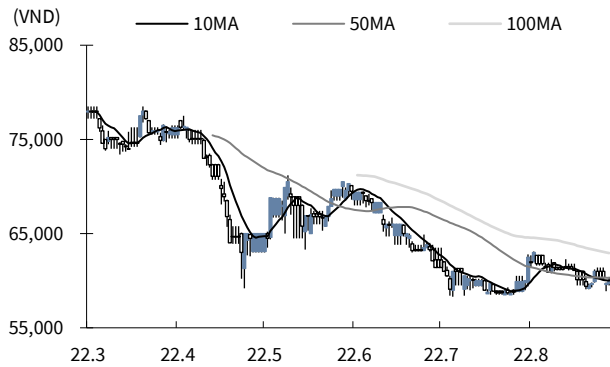
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Vinhomes (VHM)

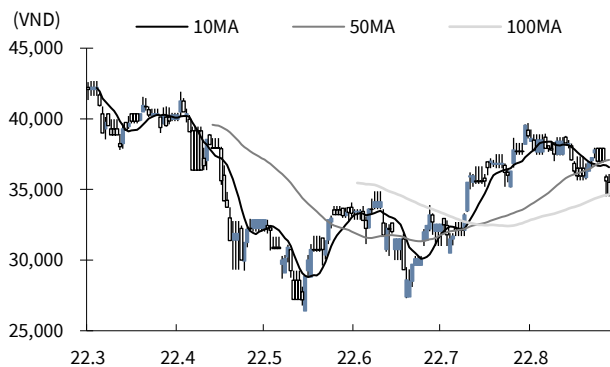


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHM tăng 0.34% lên 59,900 VND/cp

- Vinhomes thông qua việc góp vốn thành lập 3 công ty con tại tỉnh Hưng Yên bao gồm Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Đại Dương Xanh với vốn điều lệ hơn 2,340 tỷ đồng, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Hải Đăng với vốn điều lệ gần 5,260 tỷ đồng và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Trường Minh với vốn điều lệ hơn 3,500 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của Vinhomes vào 3 công ty là 99.99%.

## Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC giảm 2.67% xuống 34,650 VND/cp

- Đô thị Kinh Bắc ghi nhận lợi nhuận sau thuế 1H2022 giảm từ 2,457 tỷ đồng trong báo cáo hợp nhất tự lập xuống 200 tỷ đồng trong báo cáo soát xét, tương ứng mức giảm 91.8% do chưa được hạch toán lợi nhuận từ đánh giá lại việc tăng sở hữu vào Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng.

29/08/2022

 Chuyên viên phân tích Lê Hạnh Quyền  
 quyenth@kbsec.com.vn

2Q2022, LNST đạt 5,942 tỷ VND, tăng 49.9% YoY, nhờ tăng trưởng tín dụng tăng 18.0% YoY và NIM ổn định đạt 3.34%

Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.61%, với trích lập tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao đạt 506%

6T/2022 tăng trưởng tín dụng của VCB đạt 14.4% YTD

VCB đáp ứng đầy đủ điều kiện để được xem xét nới room tăng lên 18%

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 98,000 VND/cp

2Q2022, thu nhập lãi thuần đạt 12,797 tỷ VND, tăng 15.3% YoY; lợi nhuận sau thuế đạt 5,942 tỷ VND, tăng trưởng ấn tượng 49.9% so với mức nền thấp của 2Q2021, động lực chính đến từ tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao đạt 18.0% YoY và NIM duy trì ở mức 3.34%.

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2022 đạt 0.61%, giảm 21 bps QoQ và giảm 14 bps YoY. VCB tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng nợ xấu trong 2Q2022 với tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 506%.

6 tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng đạt 14.4% YTD, VCB đã sử dụng gần hết mức tăng trưởng tín dụng 15% được Ngân hàng Nhà Nước cấp cho vào đầu năm

Chúng tôi kỳ vọng VCB sẽ được Ngân hàng Nhà nước đánh giá cao, và xem xét nới hạn mức tăng trưởng tín dụng từ 15% lên 18%, nhờ chất lượng tài sản tốt cùng với việc đầu tư trái phiếu doanh nghiệp ở mức thấp (chỉ chiếm 1% tổng tín dụng).

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VCB. Giá mục tiêu là 98,000 VND/cp, cao hơn 19.2% so với giá tại ngày 29/08/2022.

## Mua

**Giá mục tiêu VND 98,000**

Tăng/Giảm	19.2%
Giá hiện tại (29/08/2022)	VND 82,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 95,200
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	390.4/16.7

### Dự phóng KQKD & định giá

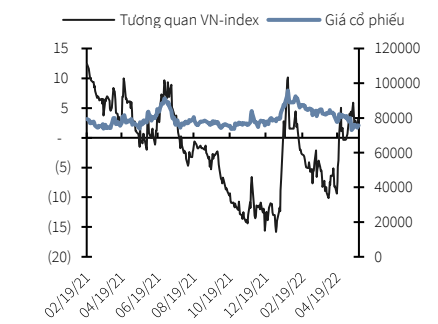
Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	36,285	42,400	50,546	59,047
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	33,024	39,149	45,619	52,210
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	18,451	21,919	29,514	34,359
EPS (VNĐ)	4,975	5,116	6,168	6,824
Tăng trưởng EPS (%)	0%	3%	21%	11%
PER (x)	17.1	16.6	13.8	12.4
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	25,370	29,421	31,222	36,992
PBR (x)	3.35	2.89	2.72	2.30
ROE (%)	21.1%	21.6%	22.9%	20.6%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1%	1%	1%	1%

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	25.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	76.5/3.3
Sở hữu nước ngoài (%)	6.5%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (74.8%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4.6	6.0	-1.6	6.1
Tương đối	1.3	8.0	11.0	10.8

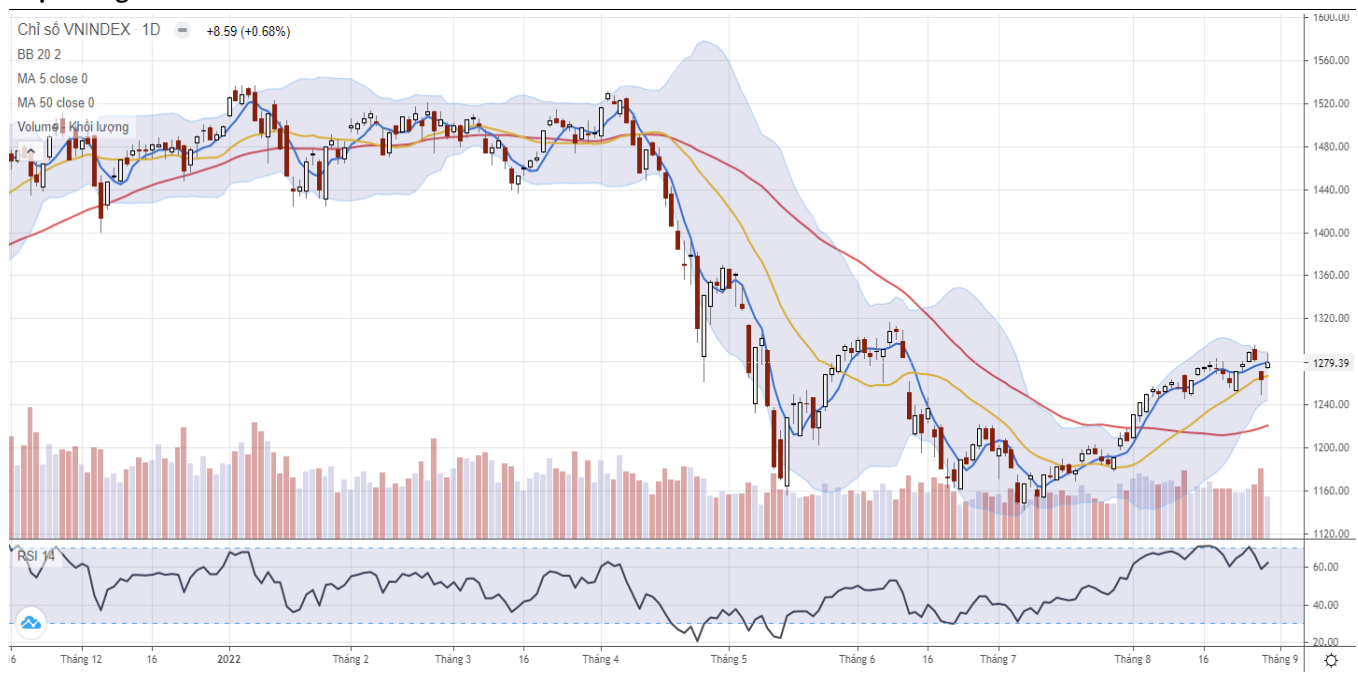


Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

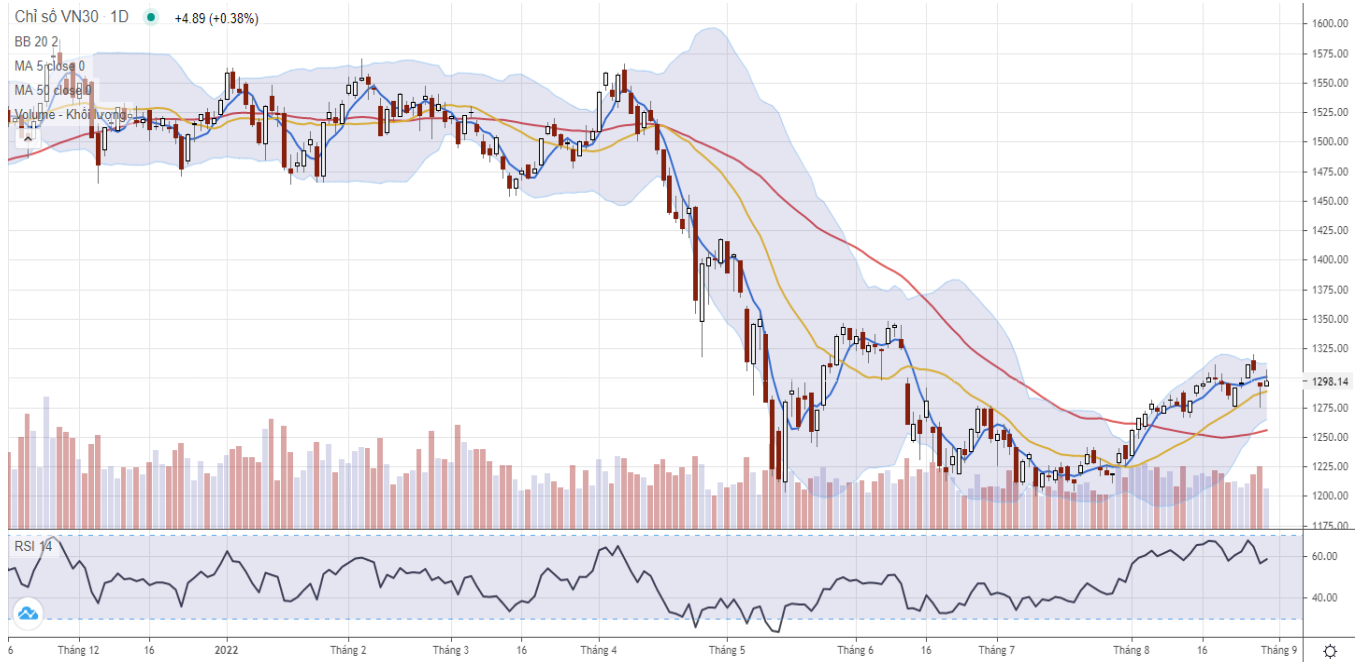
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



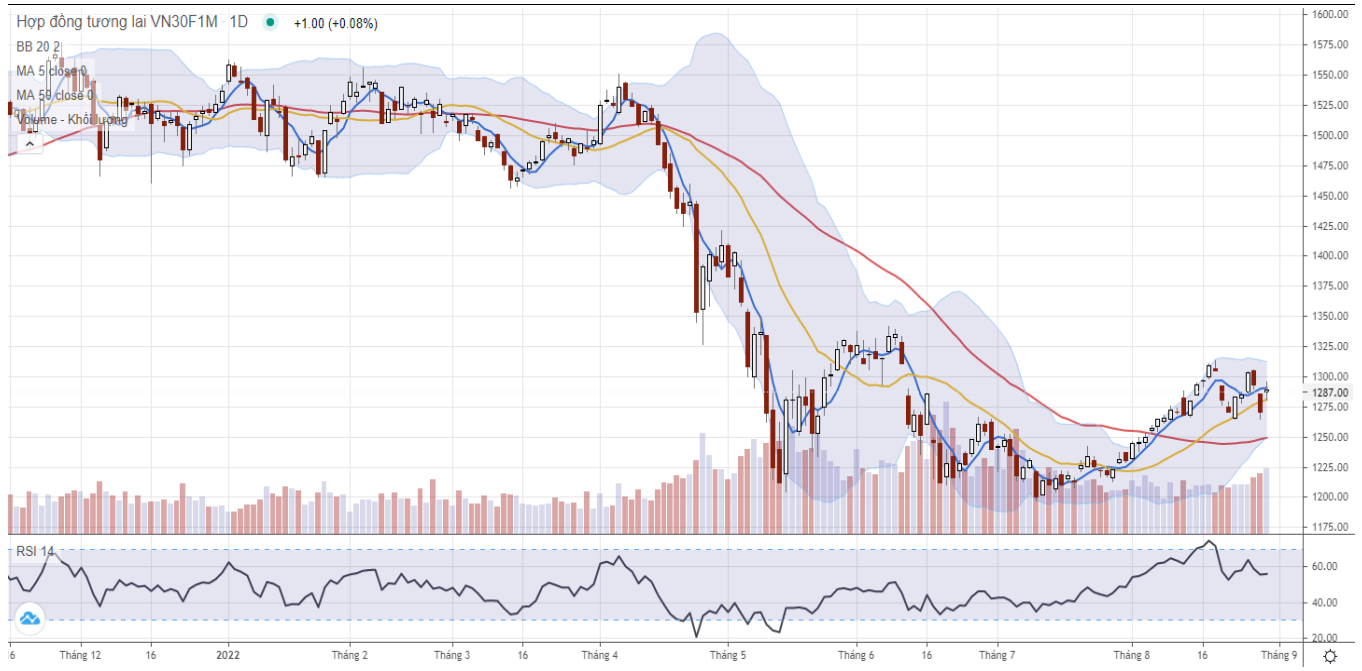
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm tích cực trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 128x đã cho phản ứng khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục của chỉ số vẫn hiện hữu, VNIndex vẫn đang phải đối mặt với rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh xuống các vùng hỗ trợ sâu hơn nếu áp lực phân phối tiếp tục gia tăng trong những phiên tới.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và khống chế tỷ trọng ở mức an toàn, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1303 - 1305

Kháng cự gần: 1293 - 1296

Hỗ trợ gần: 1269 - 1273

Hỗ trợ xa: 1255 - 1260

- F1 tăng điểm tích cực trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Vùng cản gần quanh 129x đã cho phản ứng khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù cơ hội mở rộng đà hồi phục của chỉ số vẫn hiện hữu, F1 vẫn đang phải đối mặt với rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh xuống các vùng hỗ trợ sâu hơn nếu áp lực phân phối tiếp tục gia tăng trong những phiên tới.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT tại các vùng kháng cự.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

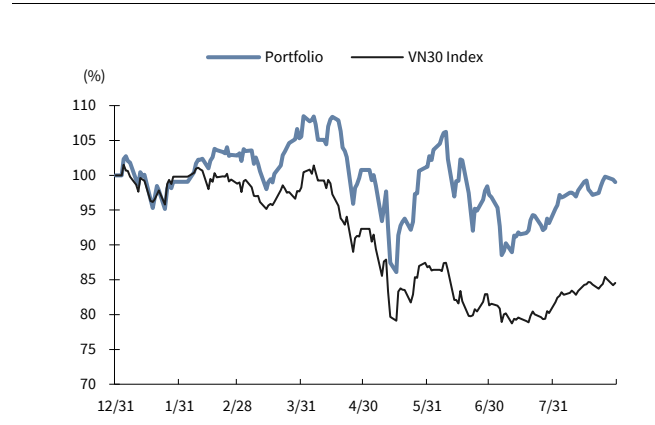
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.38%	-0.36%
Tăng lũy kế (YTD)	-15.47%	-0.96%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	73,300	-0.9%	91.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	26,100	0.0%	-8.4%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	114,400	-1.8%	52.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	183,000	-1.6%	-3.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	84,300	0.4%	184.1%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,400	-0.1%	256.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,400	1.8%	47.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	118,900	1.2%	60.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,050	0.2%	106.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	34,650	-2.7%	246.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVD	0.5%	7.8%	54.8
VHM	0.3%	23.1%	37.6
GAS	1.2%	3.0%	35.9
CTG	1.8%	26.8%	34.9
DXG	-4.4%	29.3%	26.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TLG	-3.3%	20.9%	-31.5
PHR	3.8%	13.6%	-34.4
DGC	2.9%	13.5%	-21.8
VIC	0.0%	12.2%	-13.4
VNM	0.7%	54.8%	-44.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-3.7%	0.2%	6.3
MBS	-1.0%	0.6%	1.8
PVI	2.2%	58.5%	1.1
SD5	2.1%	5.0%	0.3
TVD	-0.6%	3.5%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.1%	9.6%	-5.2
THD	1.4%	1.2%	-0.7
HUT	-1.0%	1.0%	-0.5
PTI	-2.8%	38.3%	-0.4
CEO	-2.2%	0.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	10.9%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bán lẻ hàng chuyên dụng	8.1%	MWG, FRT, CTF, HAX
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.6%	TLG, ILB, APC, ST8
Ngân hàng	3.0%	VCB, BID, VPB, TCB
Nước	1.5%	BWE, TDM, SII, CLW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-3.5%	TDP, SVI, MCP, TPC
Chứng khoán	-3.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.8%	PLX, PGC, CNG, GSP
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.6%	TNH, JVC, VMD
Kim loại & khai thác	-2.2%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	20.0%	MWG, FRT, CTF, HAX
Cung cấp và dịch vụ thương mại	15.8%	TLG, ILB, APC, ST8
Chứng khoán	14.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Hóa chất	13.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tập đoàn công nghiệp	12.8%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-9.3%	TNH, JVC, VMD
Bao bì & đóng gói	-8.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ gia dụng	-4.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Thương mại & phân phối	-4.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Giấy & lâm sản	-3.2%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	79,477 (3.4)	22.5	265.0	102.7	14.7	10.8	2.3	2.2	2.1	0.0	-2.2	-0.6	-33.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	134,566 (5.8)	26.6	8.6	6.9	35.9	21.2	22.0	1.7	1.5	0.3	0.7	0.0	-27.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	43,525 (1.9)	17.8	26.6	18.9	-7.6	7.6	9.9	2.0	1.9	0.0	-1.6	1.4	-5.6
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	250,386 (10.7)	31.3	29.4	23.3	6.7	15.2	16.5	4.0	3.5	0.1	0.2	10.3	-9.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	34,008 (1.5)	11.6	19.1	17.7	13.7	13.0	12.8	2.2	2.0	0.3	0.0	0.5	-18.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	286,573 (12.2)	13.9	15.6	14.2	-	11.5	11.2	-	-	-4.4	-9.1	4.8	-25.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	97,076 (4.1)	6.3	15.1	12.5	11.7	21.8	22.5	2.9	2.4	4.2	7.2	15.1	9.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	68,372 (2.9)	12.7	14.4	11.1	-5.3	17.4	19.9	2.0	1.7	2.1	0.8	6.7	7.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	167,127 (7.1)	0.0	6.2	5.4	14.3	21.0	20.0	1.2	1.0	0.0	-0.1	2.2	-22.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	123,628 (5.3)	1.4	6.9	5.7	50.3	17.8	21.1	1.2	1.1	1.8	1.4	4.4	-16.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	428,681 (18.3)	0.0	7.3	7.2	18.8	20.9	17.3	1.4	1.2	0.5	0.5	9.2	-12.4
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	245,163 (10.5)	0.0	6.4	5.6	14.6	24.6	23.7	1.4	1.1	1.1	1.9	10.6	-1.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	70,488 (3.0)	4.2	6.5	5.6	23.3	23.7	21.7	-	-	1.3	2.3	8.9	-14.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	291,742 (12.5)	14.0	10.9	4.8	26.5	12.0	21.2	1.2	1.0	-0.8	-1.4	-0.2	-21.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	56,072 (2.4)	0.0	7.2	5.4	37.4	21.6	22.0	1.4	1.1	0.7	-0.4	4.9	-32.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	9,576 (0.4)	0.2	-	-	27.3	10.8	-	-	-	-1.5	1.3	1.7	-9.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	65,714 (2.8)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	0.2	1.1	-0.7	2.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	9,640 (0.4)	14.2	14.6	11.8	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	1.0	1.4	6.0	-31.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	515,742 (22.0)	55.4	14.4	13.1	-3.2	11.8	12.1	-	-	-1.8	-5.7	12.2	-50.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	254,272 (10.9)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-2.4	-3.1	19.1	-33.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	239,613 (10.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-2.6	-8.4	0.0	-42.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	524,233 (22.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.3	-4.6	13.6	-34.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	206,750 (8.8)	42.1	18.1	16.2	4.0	27.4	29.6	4.7	4.5	0.7	0.3	4.4	-12.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	30,610 (1.3)	36.9	25.0	21.4	7.3	21.5	22.3	4.9	4.4	-0.1	-1.1	4.4	24.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	88,284 (3.8)	16.5	28.1	19.4	-51.9	15.4	18.2	4.2	3.6	1.3	1.0	7.2	-20.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	93,268 (4.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.8	-3.5	3.2	-45.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	72,299 (3.1)	11.0	51.0	17.9	-88.5	8.5	19.9	-	-	0.3	-0.9	-2.6	-4.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	62,570 (2.7)	10.8	17.0	15.1	-57.0	13.7	14.1	2.2	2.1	-1.8	-4.2	0.4	6.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	192,609 (8.2)	38.4	6.9	33.8	65.7	16.0	3.0	1.0	1.0	-3.0	-8.2	14.0	-50.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	33,985 (1.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	0.0	-	-81.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	259,090 (11.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.8	-1.0	5.7	-40.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	55,403 (2.4)	3.6	276.9	13.2	-52.4	0.2	4.6	-	-	-0.4	-4.1	15.3	-36.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	98,408 (4.2)	0.0	12.4	11.8	-4.5	16.0	14.8	1.7	1.6	0.4	-0.2	12.1	40.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	61,202 (2.6)	46.1	16.2	16.5	-17.5	24.6	22.0	3.9	3.5	1.2	1.6	10.6	23.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,902 (1.2)	31.4	10.0	9.7	-10.5	18.2	16.8	1.6	1.5	0.4	-1.0	-1.5	-2.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,588 (0.1)	34.1	20.5	9.3	-5.1	4.7	9.9	1.1	1.1	-0.6	-0.9	-0.9	-27.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	739,867 (31.6)	18.0	5.4	4.7	21.9	22.7	22.9	1.2	1.0	0.2	-2.5	7.2	-35.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	144,768 (6.2)	36.5	4.6	7.2	-0.5	40.0	22.4	1.6	1.5	-0.5	18.3	22.6	9.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	159,202 (6.8)	46.5	6.5	9.3	-4.5	38.3	22.2	-	-	-0.4	20.0	28.8	2.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	250,139 (10.7)	38.9	7.4	6.1	67.9	12.3	13.4	0.8	0.7	-1.0	-4.7	20.9	-45.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	62,743 (2.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	-4.0	-2.9	-41.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	68,103 (2.9)	4.6	20.9	15.3	-51.0	9.2	11.0	2.1	1.9	-1.5	-4.0	2.8	-21.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	198,924 (8.5)	39.9	112.9	21.0	-11.9	0.8	4.2	0.8	0.8	0.5	4.6	41.0	-3.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	56,909 (2.4)	35.9	8.6	8.2	2.2	16.0	15.5	1.3	1.1	-0.9	1.8	17.5	-7.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	256,332 (11.0)	0.0	18.0	14.9	14.4	25.4	25.5	3.6	2.9	-0.9	9.6	20.2	7.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	68,932 (2.9)	0.0	15.8	13.7	2.4	25.3	22.5	3.1	2.7	-1.8	-0.1	0.4	18.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	4,527 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	3.3	-4.3	10.2	-13.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	161,719 (6.9)	30.3	18.9	15.8	-75.2	27.7	26.0	4.6	3.6	0.5	0.0	23.6	33.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	57,983 (2.5)	34.6	10.0	13.5	41.2	30.4	148.1	2.5	2.1	3.8	4.6	5.7	-0.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	783 (0.0)	45.4	13.7	12.5	10.7	22.2	21.7	-	-	-1.0	-2.0	-1.3	-19.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	155,539 (6.6)	0.0	17.7	14.4	15.5	29.3	28.5	4.4	3.4	-0.1	-0.7	3.5	11.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích  
quangtpt@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.